

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

**BỘ NGOẠI GIAO**

**HỌC VIỆN NGOẠI GIAO**

**ĐỖ HUYỀN TRANG**

**VIỆC SỬ DỤNG SỨC MẠNH TRONG CHÍNH SÁCH ĐỐI  
NGOẠI CỦA MỸ TẠI KHU VỰC CHÂU Á THÁI BÌNH DƯƠNG  
DƯỚI THỜI CHÍNH QUYỀN OBAMA**

Chuyên ngành: Quan hệ quốc tế

Mã số: 9 31 02 06

**TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ**

**Hà Nội - 2018**

Công trình được hoàn thành tại Học viện Ngoại giao

Người hướng dẫn khoa học: PGS. TS. Nguyễn Vũ Tùng

Phản biện 1: PGS. TS. Nguyễn Thị Hạnh

Học viện Ngoại giao

Phản biện 2: PGS. TS. Bùi Thành Nam

Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn,

Đại học Quốc gia Hà Nội

Phản biện 3: PGS. TS. Phan Văn Rân

Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh

Luận án sẽ được bảo vệ trước Hội đồng đánh giá luận án cấp  
Học viện họp tại Học viện Ngoại giao vào hồi     giờ  
ngày     tháng     năm 2018

Có thể tìm hiểu Luận án tại thư viện:

Thư viện Quốc gia

Thư viện Học viện Ngoại giao

## MỞ ĐẦU

### 1. Lý do chọn đề tài

Trong nền chính trị quốc tế, các nước luôn phải cân nhắc việc sử dụng sức mạnh của mình để tối đa hoá lợi ích quốc gia. Sức mạnh vốn là một trong những khái niệm quan trọng và được nghiên cứu nhiều trong quan hệ quốc tế. Từ đầu thế kỷ XXI cho đến nay, quan hệ quốc tế đã và đang chịu tác động của nhiều xu thế mới, nổi bật là xu thế toàn cầu hoá, phụ thuộc lẫn nhau, xu thế dân chủ hoá trong quan hệ quốc tế. Trong khi đó, chính trị cường quyền vẫn đóng vai trò quan trọng. Điều này khiến cho khái niệm về sức mạnh và cách thức sử dụng sức mạnh theo nghĩa truyền thống có nhiều thay đổi.

Việc có một công trình nghiên cứu có tính hệ thống và toàn diện về việc sử dụng “sức mạnh thông minh” trong chính sách đối ngoại của chính quyền Obama nói chung và đối với Châu Á Thái Bình Dương nói riêng là hết sức cần thiết do: (1), về mặt học thuật, mặc dù có khá nhiều tài liệu nghiên cứu về từng dạng sức mạnh hoặc chính sách đối ngoại của tổng thống Obama tại Châu Á Thái Bình Dương nhưng vẫn có nhiều cách tiếp cận và ý kiến khác nhau. (2) việc Mỹ sử dụng sức mạnh trong chính sách đối ngoại tại khu vực Châu Á Thái Bình Dương có tác động rất lớn đến cục diện thế giới và khu vực, trong đó có Việt Nam; (3) hiện nay mặc dù quan hệ Việt – Mỹ đang trên đà phát triển và hai bên đã hình thành khuôn khổ “đối tác toàn diện” năm 2013 nhưng giữa hai nước vẫn còn những trở ngại bên trong và bên ngoài để nâng cấp quan hệ lên Đối tác chiến lược.

Về mặt lý luận, nghiên cứu phân tích và luận giải cụ thể các dạng sức mạnh, cơ sở lý luận của “sức mạnh thông minh” trong chính sách đối ngoại của chính quyền Obama, đi từ đánh giá các quy luật chung về những yếu tố cấu thành chiến lược đối ngoại “thông minh” cho đến phân tích những đặc thù của nhân tố sức mạnh này trong chính sách đối ngoại của Mỹ.

Về mặt thực tiễn, luận án sử dụng cách tiếp cận tương đối toàn diện với vai trò của “sức mạnh thông minh” trong chính sách Châu Á Thái Bình

Dương của chính quyền Obama, góp phần nào đó thống nhất cách tiếp cận của các đơn vị liên quan về vấn đề này.

### **2.1. Lịch sử nghiên cứu vấn đề:**

Chủ đề về sức mạnh (cứng, mềm, thông minh) và việc sử dụng sức mạnh trong chính sách đối ngoại của các nước, nhất là của Mỹ trước và sau thế kỷ 21 (dưới thời Bush Cha, Bill Clinton, Bush con, Obama) đã có khá nhiều công trình nghiên cứu, luận án, bài viết, bài báo nghiên cứu được xuất bản, ở từng khía cạnh đã phần nào đánh giá, đề cập được nội dung liên quan, gồm:

#### **A. Các công trình nghiên cứu nước ngoài:**

Ý tưởng về sức mạnh mềm đã xuất hiện từ thời cổ xưa. Qua các học thuyết của Khổng Tử, Lão Tử, việc thu phục nhân tâm đã được đề cao không chỉ dựa vào sức mạnh vũ khí, quân đội. Nhưng chỉ đến năm 1973, khi học giả Klaus Knorr nhắc đến khái niệm này trong cuốn “Quyền lực và thịnh vượng” thì sức mạnh mềm mới trở thành một khái niệm chính trị học.

Đến năm 1990, khái niệm này thực sự được hoàn thành và biết đến rộng rãi khi giáo sư Joseph Nye, nguyên Hiệu trưởng Trường Quản trị công J.F. Kennedy, thuộc Đại học Harvard (Mỹ) đưa ra trong cuốn sách “Bound to Lead: The Changing Nature of American Power”. Sau đó Nye tiếp tục hoàn chỉnh, bổ sung cho khái niệm này và cho ra đời nhiều công trình nghiên cứu có giá trị về sức mạnh mềm như: bài viết trên tạp chí Foreign Affairs với tựa đề: “Redefining the national interest” (năm 1999), cuốn “Vì sao chỉ có sức mạnh quân sự là chưa đủ?” (Why military power is no longer enough) xuất bản năm 2002, sách “Softpower: The Means to Success in World Politics” (Quyền lực mềm: Phương tiện để đạt thành công trong chính trị quốc tế năm 2004). Đến năm 2006, Nye giới thiệu cuốn sách mới bàn về đề tài này với tiêu đề: “Think again: Soft power” (Tái suy nghĩ về khái niệm sức mạnh mềm) và gần đây nhất là cuốn sách The future power- tương lai của quyền lực (2011). Đây là những tài liệu quan trọng giúp tác giả có cái nhìn bao quát về các dạng sức mạnh.

Hai cuốn sách “Power and International Relations” của David Balwin (NXB Sage, 2002) và “The Tragedy of Great Power Politics” của John

Mearsheimer (2003) đã cung cấp thêm kiến thức về quyền lực và sức mạnh trong quan hệ quốc tế dựa trên cách tiếp cận của chủ nghĩa hiện thực, chủ nghĩa kiến tạo, chủ nghĩa tự do.

Cuốn sách “Hard choices” của Cựu Ngoại trưởng Mỹ Hilary Clinton, người được xem là “Công trình sư” của chính sách xoay trục đã bàn thảo về sức mạnh thông minh của Mỹ ở khu vực Châu Á Thái Bình Dương. Cuốn sách này được xuất bản năm 2014 trong đó gồm 6 phần: phần 1 về sự bắt đầu của sức mạnh thông minh (a fresh start- foggy bottom: smart power); phần 2 về Châu Á Thái Bình Dương: Châu Á- xoay trục (the pivot); Trung Quốc; Bắc Kinh; Burma; Phần 3 về chiến tranh và hoà bình với các cuộc chiến Afghanistan, Pakistan; phần 4: giữa hi vọng và lịch sử đề cập đến Châu Âu, Nga, Châu Mỹ La Tinh, Châu Phi; Phần 5 (upheaval) bước ngoặt về chính sách của Mỹ ở Trung Đông, Cách mạng mùa xuân Ả Rập, Lybia, Iran, Syria, Gaza; phần 6: tương lai mà Mỹ cần, nói về các vấn đề mà Mỹ đang phải đối mặt như Biến đổi khí hậu, Việc làm và năng lượng, Haiti: thảm họa và sự phát triển, nghệ thuật quản trị thế kỷ 21 (21<sup>st</sup>- Century Statecraft): ngoại giao kỹ thuật số trong thế giới số, nhân quyền. Có thể nói đây là cuốn sách cung cấp cái nhìn tổng quan về chính sách đối ngoại của Mỹ dưới thời tổng thống Obama nửa nhiệm kỳ đầu dưới góc độ của người đóng vai trò lớn trong việc xây dựng chính sách đối ngoại đó.

Bên cạnh đó, còn có các sách nghiên cứu khác liên quan đến chính sách đối ngoại của Mỹ trong thế kỷ 21 như: The New Foreign Policy- Power seeking in a globalized era - Chính sách đối ngoại mới- theo đuổi quyền lực trong kỷ nguyên toàn cầu của Laura Neack, xuất bản năm 2008 sẽ góp phần cung cấp kiến thức nền tảng cho chương 1 của luận án. Cuốn sách American Foreign Policy: The dynamics of choice in the 21<sup>st</sup> century của Bruce Jentleson cung cấp kiến thức nền tảng khác cho luận án.

Các cuốn sách còn lại để tham khảo về chính sách đối ngoại trong thế kỷ 21 như: Foreign Policy in Global Information Space: Actualizing Soft Power của Alan Chong, Constructing 21<sup>st</sup> Century U.S Foreign Policy:

Identity, Ideology, and America's World Role in a New Era của Karl K. Schonberg... Ngoài ra, cuốn sách *The Pivot- the Future of American Statecraft in Asia* của Kurt M. Campell (2016) cũng là một tài liệu bổ ích hỗ trợ cho luận án khi phân tích việc sử dụng sức mạnh của Mỹ dưới thời Obama tại khu vực Châu Á Thái Bình dương qua trường hợp cụ thể như thế nào.

Như vậy, các tài liệu tham khảo trên sẽ là nền tảng cho luận án về quyền lực, sức mạnh, việc hoạch định và triển khai chính sách đối ngoại của Mỹ, chính sách đối ngoại của Mỹ dưới thời Obama ở CATBD. Qua đó, luận án sẽ phân tích làm rõ cách tiếp cận về việc sử dụng sức mạnh trong chính sách CATBD của chính quyền Obama.

## **B. Các công trình nghiên cứu trong nước:**

### ***1. Về các công trình nghiên cứu liên quan đến sức mạnh trong quan hệ quốc tế.***

Cuốn sách “Lý luận Quan hệ Quốc tế” của PGS-TS. Nguyễn Vũ Tùng và TS. Nguyễn Hoàng Như Thanh đồng chủ biên, cung cấp nhiều kiến thức bổ ích về lý luận. Ngoài ra, bàn về vấn đề quyền lực có thể kể đến là cuốn sách chuyên khảo “Quyền lực trong quan hệ quốc tế: Lịch sử và vấn đề ” của tác giả Hoàng Khắc Nam do Nhà xuất bản Văn hoá thông tin xuất bản năm 2011. Cuốn sách hệ thống hoá các khái niệm về quyền lực và những tranh luận của các học giả xung quanh vấn đề này.

Về sức mạnh, tác giả Hoàng Anh Tuấn với bài viết “Khái niệm và việc sử dụng sức mạnh quốc gia và sức mạnh quân sự trong quan hệ quốc tế hiện đại” (Tạp chí Nghiên cứu Quốc tế số 3, tháng 9/2005), làm nổi bật rõ những nét đặc trưng về sức mạnh cứng và sức mạnh mềm. Bài viết của TS. Phạm Quốc Trụ, Học viện Ngoại giao (trang [nghiencuubiendong.vn](http://nghiencuubiendong.vn) năm 2011) đã đề cập về “Quyền lực mềm trong quan hệ quốc tế” hiện nay và đánh giá về việc triển khai Quyền lực mềm của Mỹ và Trung Quốc qua một số trường hợp cụ thể. Tác giả Lương Văn Kế phân tích vai trò của việc nghiên cứu sức mạnh quốc gia, khái niệm về sức mạnh quốc gia và các yếu tố cấu thành sức mạnh tổng hợp quốc gia” trong bài viết trên Tạp chí Châu Mỹ ngày nay, số

10/2007. Tóm lại, các tài liệu trên cho thấy các cách tiếp cận quyền lực và sức mạnh quốc gia trong quan hệ quốc tế nhưng chưa làm rõ được sự khác biệt giữa quyền lực và sức mạnh, sự thay đổi quan điểm về sức mạnh trong thế kỷ 21 cũng như cách tiếp cận về sức mạnh tùy theo từng quốc gia khác nhau, nhất là cách tiếp cận về sức mạnh được sử dụng trong chính sách đối ngoại của Mỹ dưới thời tổng thống Obama.

**2. Về các công trình nghiên cứu liên quan đến chính sách đối ngoại và việc sử dụng sức mạnh trong chính sách đối ngoại của Mỹ trước và trong thế kỷ 21.**

Hiện tại đã có nhiều công trình nghiên cứu tương đối công phu về chính sách đối ngoại của Mỹ như công trình của GS. Nguyễn Thái Yên Hương (2008), Hoa Kỳ: Văn hoá và Chính sách đối ngoại (NXB Thế giới) hay Nguyễn Thái Yên Hương, Tạ Minh Tuấn (đồng chủ biên) năm 2011, các vấn đề nghiên cứu về Hoa Kỳ (NXB Giáo Dục Việt Nam, Hà Nội). Ngoài ra, còn có sách của tác giả Trần Bá Khoa xuất bản năm 1994 về Chiến lược toàn cầu mở rộng của Mỹ hay Lê Bá Thuyên (1997) Hoa Kỳ: Cam kết và mở rộng, NXB Khoa Học Xã hội, Hà Nội; Phạm Minh Sơn (2008) về Chính sách đối ngoại của một số nước lớn trên thế giới, NXB Lý luận chính trị, Hà Nội đề cập đến chính sách đối ngoại của Mỹ dưới thời tổng thống Clinton.

Bài viết của PGS.TS Nguyễn Vũ Tùng “Chiến lược toàn cầu của Mỹ” (tạp chí Châu Mỹ ngày nay số 04/2008) phân tích cụ thể chiến lược toàn cầu của Mỹ sau chiến tranh lạnh và trước thế kỷ 21 dưới thời 3 tổng thống. Bài viết nêu các cuộc tranh luận xung quanh mục tiêu và đối tượng của các chiến lược toàn cầu đó.

TS. Vũ Lê Thái Hoàng trong bài “Sức mạnh thông minh, thế kỷ Thái Bình Dương và học thuyết đối ngoại Obama” (2012) phân tích cụ thể bối cảnh ra đời của học thuyết Obama, cách tiếp cận, nội dung của sức mạnh thông minh và khu vực Thái Bình Dương được chính quyền Obama coi là trọng tâm chiến lược.

Các công trình nghiên cứu và bài viết khác còn đề cập đến lý thuyết hoặc sử dụng các công cụ khác để phân tích chính sách đối ngoại của Mỹ. Thêm

vào đó là một số khoá luận tốt nghiệp của sinh viên Học viện Ngoại giao. Ngoài các tài liệu sách tham khảo, các bài viết nghiên cứu thì các trang web uy tín khác như [nghiencuubiendong.vn](http://nghiencuubiendong.vn), [nghiencuuquocete.net](http://nghiencuuquocete.net), [foreignaffairs.com](http://foreignaffairs.com) là những tài liệu bổ ích góp phần cung cấp kiến thức tham khảo cho luận án.

## **2.2. Một số nhận xét:**

Như vậy, các công trình nghiên cứu ở cả trong và ngoài nước kể trên chưa tiếp cận giải quyết vấn đề như ở luận án này nhưng sẽ là nguồn tài liệu quý giá để bổ trợ làm rõ cách tiếp cận về việc sử dụng sức mạnh trong chính sách đối ngoại của Obama tại khu vực Châu Á Thái Bình Dương. Về cơ bản, các công trình trên đã góp phần làm rõ ở mức độ khác nhau những vấn đề mà tác giả đặt ra trong quá trình nghiên cứu bao gồm:

*Thứ nhất*, đã cung cấp kiến thức nền tảng về quyền lực, sức mạnh quốc gia, chính sách đối ngoại Mỹ nói chung và chính sách đối với khu vực Châu Á- Thái Bình Dương nói riêng.

*Thứ hai*, đã cung cấp những thông tin và dữ liệu cơ bản về chính sách đối ngoại Mỹ dưới thời tổng thống Obama tại khu vực Châu Á- Thái Bình Dương.

Tuy nhiên, các vấn đề chưa được làm rõ bao gồm: sự khác nhau giữa quyền lực và sức mạnh, cách tiếp cận về sức mạnh trong chính sách đối ngoại Mỹ dưới thời tổng thống Obama, đặc điểm và cách triển khai của “sức mạnh thông minh” trong chính sách đối ngoại tại khu vực Châu Á- Thái Bình Dương. Đó cũng là mục tiêu nghiên cứu của luận án.

## **3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu:**

### **- Mục đích nghiên cứu:**

Đề tài tập trung nghiên cứu làm rõ cách tiếp cận và đặc điểm của việc sử dụng sức mạnh trong chính sách đối ngoại của Mỹ tại khu vực Châu Á Thái Bình Dương dưới thời chính quyền Obama.

### **- Nhiệm vụ nghiên cứu:**

Để đạt được mục đích nghiên cứu nêu trên, đề tài tập trung giải quyết



những nhiệm vụ chủ yếu sau: (1)phân tích làm rõ các dạng sức mạnh, vai trò và vị trí của sức mạnh trong việc thực thi chính sách đối ngoại của Mỹ thế kỷ 21; (2)phân tích làm rõ thực trạng của việc sử dụng sức mạnh của Mỹ trong chính sách đối ngoại thế kỷ 21 tại khu vực Châu Á Thái Bình Dương dưới thời tổng thống Obama; (3)đánh giá việc sử dụng sức mạnh của Mỹ trong chính sách đối ngoại tại khu vực Châu Á Thái Bình Dương dưới thời tổng thống Obama, dự đoán triển vọng việc sử dụng sức mạnh trong chính sách đối ngoại của Mỹ tại CATBD đến năm 2021 dưới thời tổng thống Donald Trump, tác động đến Việt Nam và đề xuất kiến nghị trong quan hệ Mỹ- Việt Nam.

#### **4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu:**

##### **- Đối tượng:**

Việc sử dụng sức mạnh trong chính sách Châu Á Thái Bình Dương của tổng thống Obama.

##### **- Phạm vi nghiên cứu:**

+ Về thời gian: Thời gian cầm quyền của tổng thống Clinton và George Bush (con) (trước thời tổng thống Obama), thời gian cầm quyền của tổng thống Obama và dự báo triển vọng sử dụng sức mạnh trong chính sách đối ngoại của Mỹ dưới thời tổng thống Donald Trump đến năm 2021 (hết nhiệm kỳ 1).

+ Về nội dung: đề tài tập trung làm rõ nội dung thông qua các trường hợp cụ thể về việc sử dụng sức mạnh trong triển khai chính sách đối ngoại của Mỹ tại khu vực Châu Á Thái Bình Dương dưới thời tổng thống Obama.

#### **5. Phương pháp nghiên cứu:**

Phương pháp nghiên cứu được sử dụng trong luận án bao gồm:

Phương pháp lịch sử - logic; Phương pháp phân tích tổng hợp; Phương pháp nghiên cứu trường hợp điển hình (phương pháp điển cứu); Phương pháp so sánh; Phương pháp phân tích chính sách; Phương pháp dự báo. Ngoài ra, luận án cũng sử dụng một số phương pháp khác như phương pháp đa ngành, liên ngành, phân tích tài liệu, phân tích sự kiện....tùy theo từng mục, từng chương hoặc được sử dụng kết hợp nhằm giải quyết nhiệm vụ của mục tiêu nghiên cứu.

## **6. Nguồn tài liệu:**

Đề tài sử dụng các tài liệu gốc bao gồm các bài phát biểu, các văn bản chính sách trên các trang web uy tín và chính thức của Mỹ; các công trình nghiên cứu bao gồm sách, báo, bài viết của các học giả nổi tiếng; các tạp chí Nghiên cứu quốc tế, Châu Mỹ ngày nay, trang web [nghiencuubiendong.vn](http://nghiencuubiendong.vn) và [nghiencuuquocte.net](http://nghiencuuquocte.net); các kết quả của các hội thảo trong nước và quốc tế, các buổi nghe giảng để có thêm dẫn chứng thuyết phục cho luận án.

## **7. Những đóng góp của luận án:**

*Một*, là công trình nghiên cứu có hệ thống dưới góc nhìn của một nhà nghiên cứu Việt Nam về việc sử dụng sức mạnh trong chính sách đối ngoại của Mỹ nói chung và chính sách của chính quyền Obama tại Châu Á Thái Bình Dương nói riêng; góp phần làm rõ cách tiếp cận về “sức mạnh thông minh” của chính quyền Obama cũng như cách thức sử dụng và hiệu quả triển khai của sức mạnh này như thế nào. Từ đó dự đoán triển vọng của việc sử dụng sức mạnh trong chính sách đối ngoại của Mỹ trong tương lai, cụ thể là dưới nhiệm kỳ của tổng thống Donald Trump đến năm 2021 và đưa ra những kiến nghị chính sách của Việt Nam; *Hai*, là tài liệu tham khảo đối với các hoạt động nghiên cứu, giảng dạy về sức mạnh trong quan hệ quốc tế, sử dụng sức mạnh trong chính sách đối ngoại và giảng dạy về Mỹ.

## **8. Bố cục của luận án:**

Ngoài mở đầu, kết luận, tài liệu tham khảo và phụ lục, luận án được chia thành 3 chương. *Chương 1: Cơ sở lý luận và thực tiễn về sức mạnh và việc sử dụng sức mạnh trong chính sách đối ngoại của Mỹ.* *Chương 2: Việc sử dụng “sức mạnh thông minh” trong chính sách CATBD của chính quyền Obama.* *Chương 3: Đánh giá việc sử dụng “sức mạnh thông minh” của Mỹ dưới thời Obama tại khu vực CATBD và khuyến nghị chính sách*

## Chương 1:

# CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN VIỆC SỬ DỤNG SỨC MẠNH TRONG CHÍNH SÁCH ĐỐI NGOẠI CỦA MỸ

## 1.1. Quyền lực trong Quan hệ quốc tế và các dạng sức mạnh trong quan hệ quốc tế.

### 1.1.1. Quyền lực.

Quyền lực có thể hiểu một cách chung nhất là khả năng một chủ thể áp đặt ý chí của mình đối với các chủ thể khác theo đó các chủ thể khác chấp nhận hay tự nguyện hành động theo ý muốn của mình. Cấu thành cơ bản của quyền lực bao gồm sức mạnh của chủ thể, chính sách của chủ thể đó và sự tiếp nhận chính sách của đối tượng bị chủ thể áp đặt ý chí. Quyền lực là một khái niệm trung tâm trong chính trị và quan hệ quốc tế. Quan điểm và cách sử dụng quyền lực thay đổi theo từng thời kỳ lịch sử. Nhìn chung, quyền lực thường gắn liền với việc sở hữu những nguồn lực nào đó. Quyền lực “liên quan tới khả năng về quân sự, kinh tế, khoa học công nghệ của một quốc gia”, khả năng áp đặt ý chí dựa trên sức mạnh quốc gia. Chính sách đối ngoại về bản chất là việc sử dụng công cụ, nguồn lực, phương thức sẵn có để đạt được các kết quả tối ưu nhất, do đó, thường thể hiện rõ nhất quyền lực của một nước.

### 1.1.2. Các dạng sức mạnh:

#### 1.1.2.1. Sức mạnh cứng:

Là sức mạnh vật chất, liên quan đến các tiêu chí dân số, lãnh thổ, tài nguyên thiên nhiên, sức mạnh kinh tế và quân sự để tác động đến hành vi của chủ thể khác. Là toàn bộ những khả năng (hiện tại và tiềm tàng) về quân sự, kinh tế, ngoại giao, lãnh thổ, tài nguyên, dân số... được một quốc gia sử dụng trong quan hệ chính trị quốc tế để gây sức ép, hoặc tranh thủ buộc quốc gia khác hoặc chủ thể khác phải tuân theo ý chí của mình.

#### 1.1.2.2. Sức mạnh mềm:

Sức mạnh mềm là khả năng ảnh hưởng, thuyết phục chủ thể khác làm theo ý mình. Joseph Nye, cho rằng sức mạnh mềm là khả năng ảnh hưởng

tới người khác thông qua sự hấp dẫn. Nguồn của sức mạnh mềm là bất cứ tài sản nào của quốc gia giúp sản sinh ra khả năng hấp dẫn đó. Như vậy, sức mạnh mềm có thể xuất phát dựa trên ba nguồn cơ bản: văn hoá; tư tưởng chính trị thể hiện qua chính sách đối nội; chính sách đối ngoại (khi chính sách đó chính đáng và hợp pháp trong con mắt của cộng đồng quốc tế) và những thông điệp mà các chính sách ngoại giao muốn truyền tải nhất là khi các giá trị trong các thông điệp ngoại giao phải nhất quán với hệ giá trị xã hội bên trong của quốc gia đó.

#### *1.1.2.3. Sức mạnh thông minh:*

Hai loại sức mạnh cứng và mềm đều có những lợi ích và hạn chế riêng. Do đó, hiện nay, để đạt được mục tiêu chính sách ở mức độ cao nhất cần kết hợp linh hoạt giữa hai sức mạnh để có thể phát huy nguồn lực quốc gia một cách tối đa. Sử dụng hiệu quả sức mạnh sao cho “càng dùng ít mà hiệu suất lại cao cùng đạt được mục tiêu để khiến đối phương vui vẻ tiếp thu kế hoạch hành động. Thậm chí còn khiến đối phương tạo ra kế hoạch chương trình hành động như mong muốn của mình”. Đây là những cơ sở lý luận của sức mạnh thông minh.

Thực tế cho thấy, cha đẻ của khái niệm sức mạnh thông minh là J. Nye và nhiều học giả, chính khách khác hoặc là lẫn lộn hoặc là linh hoạt trong việc định nghĩa, giải thích nội hàm và vận dụng khái niệm “sức mạnh thông minh” theo ba phương diện: việc hoạch định, triển khai chính sách để sử dụng, kết hợp các loại sức mạnh/ nguồn lực sẵn có một cách thông minh, khôn ngoan nhất; một dạng sức mạnh mới được tạo ra từ sự kết hợp hiệu quả giữa sức mạnh cứng và sức mạnh mềm của một quốc gia; một quốc gia thông minh là quốc gia biết cách kết hợp, tận dụng tối đa các loại sức mạnh cứng và mềm sẵn có để đạt mục tiêu chính sách ở mức tối đa với chi phí tối thiểu, qua đó nâng cao thế và lực của mình trên trường quốc tế. Như vậy, cách hiểu thứ nhất thiên về cách thức thực hiện, cách hiểu thứ hai và thứ ba thiên về kết quả. Về cơ bản, cách hiểu đầu tiên là phổ biến nhất nhưng kết hợp cả ba cách hiểu này sẽ có một cái nhìn toàn diện nhất về sức mạnh thông minh.

Tóm lại, một chiến lược thông minh kết hợp sức mạnh cứng và sức mạnh mềm để tạo nên sức mạnh thông minh đòi hỏi phải có một môi trường mang tính bồi cảnh hội đủ một số yếu tố mang tính điều kiện: *trong xây dựng một chiến lược/ chính sách đối ngoại/an ninh quốc gia tổng thể, dài hạn để kết hợp hiệu quả các công cụ/ nguồn lực sức mạnh cứng và mềm; trong việc xác định mục tiêu/ ưu tiên của chiến lược/ chính sách cần phải hợp lý, khả thi, toàn diện, kết hợp ngắn hạn và dài hạn đặc biệt trong bồi cảnh nguồn lực và tài chính có hạn; trong việc xây dựng, nâng cao nhận thức về chiến lược sức mạnh thông minh; trong việc cải cách thể chế và tăng cường sự phối hợp* nhịp nhàng, hiệu quả giữa các thể chế của nhà nước; *trong việc nhận định, đánh giá đúng* bồi cảnh trong nước, khu vực, quốc tế, từ đó xác định đúng ưu tiên, đối tượng, công cụ, phương thức triển khai phù hợp; *trong việc tập hợp và lựa chọn* công cụ và nguồn lực phù hợp sẵn có (thuộc cả sức mạnh cứng và mềm) để triển khai hiệu quả chính sách; *trong việc lựa chọn* phương thức, mô hình triển khai phù hợp; *trong việc xác định đúng* đối tượng, địa bàn triển khai theo ưu tiên đề ra trong chính sách tổng thể, từ đó mới xác định đúng loại công cụ, phương thức, nguồn lực cần sử dụng.

## **1.2. Sức mạnh và chính sách đối ngoại của Mỹ trước nhiệm kỳ Obama.**

### **1.2.1. Nền tảng sức mạnh Mỹ**

Nền tảng sức mạnh của Mỹ được hình thành trên sáu thành tố: điều kiện địa lý và dân số, quân sự, kinh tế, nền tảng chính trị, văn hoá, giá trị. Các thành tố này bao gồm có sức mạnh cứng và sức mạnh mềm, phần nào liên quan đến sức mạnh thông minh.

**1.2.2. Đặc điểm sức mạnh:** là sự toàn diện, sự thuyết phục, có chủ đích.

### **1.2.3. Xu hướng sức mạnh**

Xu hướng sức mạnh Mỹ thể hiện ở hai hướng: *thứ nhất*, tuy Mỹ vẫn là nước mạnh nhất thế giới nhưng tương quan so sánh lực lượng đang thay đổi; sức mạnh của Mỹ đang suy giảm và sức mạnh của các đối thủ (Trung Quốc) đang tăng lên. *Thứ hai*, do sức mạnh kinh tế giảm đi nên Mỹ phải điều chỉnh chính sách sử dụng sức mạnh (cắt giảm chi phí quân sự, sử dụng sức mạnh mềm về giá trị thay vì sức mạnh cứng).

#### ***1.2.4. Công cụ sức mạnh trong việc thực thi chính sách đối ngoại dưới thời Clinton, George W. Bush.***

Thời Clinton và Bush (con) là Mỹ ở vào “đỉnh cao” (1991-2000) của sức mạnh khi nền kinh tế Mỹ phục hồi, đối thủ Nga bị suy yếu, Trung Quốc chưa mạnh. Đây là “khoảng khắc đơn cực” trong đó Mỹ là “vô đối”.

##### ***1.2.4.1. Dưới thời Clinton (1992-2000)***

Ưu thế vượt trội về kinh tế, quân sự, khoa học- công nghệ, sức mạnh mềm là những nhân tố chi phối quá trình hoạch định và triển khai chính sách đối ngoại Mỹ.

**Về mục tiêu chiến lược** bao trùm là duy trì và củng cố vị trí siêu cường duy nhất, vai trò “lãnh đạo thế giới” của nước Mỹ, trở thành bá chủ thế giới trong tất cả các lĩnh vực chính trị, kinh tế- thương mại, quân sự, an ninh, tư tưởng.

##### **Việc sử dụng sức mạnh tại khu vực Châu Á- Thái Bình Dương:**

Khu vực Châu Á Thái Bình Dương là khu vực có vị trí địa chiến lược đối với sự phát triển kinh tế và an ninh quốc gia Mỹ. Nội dung chiến lược của chính quyền Clinton đối với khu vực này bao gồm: duy trì và tiếp thêm sức lực cho các liên minh trụ cột Mỹ với 5 nước ở khu vực này là Nhật Bản, Hàn Quốc, Philipine, Thái Lan, Úc; theo đuổi chính sách “Cam kết và mở rộng” với các quốc gia hàng đầu trong khu vực như Trung Quốc; xây dựng cấu trúc khu vực nhằm duy trì sự phát triển kinh tế, thúc đẩy hợp nhất và đảm bảo sự ổn định lâu dài cho Mỹ. Mỹ cũng tham gia chi phối nền kinh tế của khu vực này. Theo đó, Mỹ tăng cường xuất nhập khẩu, ép Trung Quốc, Nhật bản mở cửa thị trường cho hàng hoá Mỹ. Về an ninh, Mỹ tiếp tục duy trì các liên minh tay đôi với đồng minh và bạn bè ở khu vực làm nòng cốt, duy trì lực lượng triển khai nhanh và hải quân.

Ngoài ra Mỹ còn ủng hộ và tham gia các hoạt động của Diễn đàn an ninh khu vực ASEAN (ARF) và tăng cường hợp tác với các nước trong khu vực thông qua diễn đàn APEC. Đối với vấn đề an ninh cụ thể, Mỹ đã có những cam kết thực hiện trong khuôn khổ và thảo luận với Triều Tiên về chương trình hạt nhân của nước này thông qua “Hiệp định khung” ký tại Genevo

vào tháng 2 năm 1994. Đối với việc ngăn chặn phổ biến vũ khí hạt nhân, Mỹ sử dụng sức mạnh cứng là các biện pháp ngoại giao kinh tế và quân sự rắn đe đối với những nước sử dụng hoặc thực hiện các chương trình hạt nhân.

Chính quyền của tổng thống Clinton vừa quan hệ vừa kiềm chế các nước xã hội chủ nghĩa bằng diễn biến hoà bình, bạo loạn lật đổ, kết hợp với khuyến khích đa nguyên đa đảng, dân chủ nhân quyền để chuyển hoá các nước này theo mô hình dân chủ tự do kiểu Mỹ. Bên cạnh đó, Mỹ còn tăng cường quan hệ với các nước ASEAN, củng cố vị trí ở Đông Nam Á, xem đây là cửa ngõ để nối Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương, tìm cách tạo thế cân bằng mới có lợi cho Mỹ, kiềm chế sự phát triển và ảnh hưởng của Trung Quốc. Đối với các nước khác, Mỹ lợi dụng khủng hoảng tài chính tiền tệ ở Đông Á năm 1997-1998 nhằm gây ra bất ổn về vấn đề dân chủ và nhân quyền trong khu vực.

#### *1.2.4.2. Dưới thời tổng thống Bush (con) (2001-2008)*

Bush lên cầm quyền trong bối cảnh nước Mỹ đã tạo được một uy thế mới dưới thời Clinton. Tuy nhiên, sự kiện khủng bố ngày 11/9/2001, sự kiện 11/9 đã đẩy chủ nghĩa bảo thủ mới phát triển lên đỉnh cao, trở thành tư tưởng chủ đạo trong chính sách đối ngoại Mỹ giai đoạn này. Năm nguyên tắc trong chính sách đối ngoại của Bush theo hướng tăng cường can thiệp, cường quyền bá quyền đó là: 1. Đề cao vai trò lãnh đạo của Mỹ. 2. Không thể để các mối hận thù trong quá khứ cản trở các sáng kiến đa phương. 3. Không thể hi vọng tất cả các nước có cùng một cam kết với mọi liên minh. 4. Coi trọng hợp tác với các nước khác. 5. Hành động đơn phương khi cần thiết.

#### *1.2.4.3. So sánh việc sử dụng sức mạnh trong chính sách đối ngoại dưới thời tổng thống Clinton và Geogre W. Bush:*

Có thể thấy rằng, dưới thời Clinton và Geogre W. Bush, đều có mục tiêu duy trì vai trò siêu cường duy nhất trên thế giới, duy trì vị trí lãnh đạo thế giới, truyền bá các giá trị Mỹ ra khắp toàn cầu cũng như sử dụng các “giá trị” này để thúc đẩy lợi ích. Cả hai chính quyền đều trong giai đoạn là Mỹ ở vào “đỉnh cao” và việc sử dụng sức mạnh trong chính sách đối ngoại thể hiện sự linh hoạt. Tuy nhiên, sự khác biệt trong sử dụng sức mạnh của hai chính quyền cũng thể hiện rõ rệt. Nếu như chính quyền Clinton ưu tiên hơn đối với

việc sử dụng sức mạnh mềm, tính năng động, linh hoạt mềm dẻo của văn hoá Mỹ thể hiện ở những biện pháp khéo léo khi thúc đẩy mở rộng thị trường, thực hiện dính líu bằng hoạt động linh hoạt đa phương, chính quyền Bush ưu tiên sức mạnh cứng và cách xử thế đơn phương.

### **1.3. Bối cảnh hình thành Học thuyết “sức mạnh thông minh” của tổng thống Obama.**

#### **1.3.1. Tình hình thế giới:**

Tình hình thế giới trong giai đoạn này xuất hiện nhiều biến động và các vấn đề toàn cầu phức tạp gia tăng bên cạnh xu thế toàn cầu hoá và sự phụ thuộc lẫn nhau giữa các quốc gia tăng tạo ra bối cảnh và thách thức với Mỹ.

#### **1.3.2. Tình hình khu vực CATBD:**

Về kinh tế, CATBD nổi lên như một khu vực phát triển năng động với nhiều nền kinh tế có tốc độ tăng trưởng cao và là đầu tàu kinh tế thế giới. Về chính trị, từ sự chuyển dịch vai trò kinh tế, khu vực này đã thu hút sự dính líu/ can dự của nhiều quốc gia trên thế giới và đóng vai trò ngày càng quan trọng đối với các vấn đề chính trị toàn cầu.

#### **1.3.3. Tình hình nước Mỹ:**

Nước Mỹ sau khủng hoảng 2008- 2009 và đặc điểm cá nhân cũng như tư tưởng đối ngoại của tổng thống Obama là những nhân tố quan trọng khiến chính quyền Obama ngày càng coi trọng “sức mạnh thông minh”.

#### **Vị trí chiến lược của Châu Á Thái Bình Dương đối với Mỹ**

Khu vực Châu Á Thái Bình Dương tiếp tục đóng vai trò quan trọng trong chính sách của Mỹ dưới thời Obama. Tăng trưởng kinh tế của khu vực có tốc độ nhanh nhất thế giới. Thêm vào đó, khu vực Châu Á Thái Bình Dương là một trong những khu vực có tiềm lực phát triển quân sự lớn nhất thế giới với lực lượng quân sự dày đặc cũng như những nguy cơ tiềm ẩn về an ninh. Điều này tạo ra lợi ích lẫn thách thức khiến cho Mỹ không thể không chú trọng đến, nhất là khi khu vực sẽ trở thành trọng tâm địa chính trị toàn cầu trong tương lai, thay thế khu vực Châu Âu- Đại Tây Dương. Hơn nữa, sự trỗi dậy của Trung Quốc tại khu vực thách thức và cạnh tranh ảnh hưởng công khai với Mỹ. Nơi đây còn tập trung những đồng minh thân cận nhất



của Mỹ, những nước theo đuổi giá trị dân chủ Mỹ, những đối thủ cạnh tranh lớn nhất và những đối tác kinh tế thương mại quan trọng (tổng kim ngạch thương mại với các nước Châu Á Thái Bình Dương lớn nhất trên thế giới). Vì vậy, Mỹ sẽ tiếp tục theo đuổi những giá trị lợi ích cốt lõi để tăng cường hình ảnh và ảnh hưởng của mình tại khu vực này.

## **TIÊU KẾT**

Sức mạnh là công cụ thực hiện các mục tiêu của chính sách đối ngoại. Các dạng sức mạnh bao gồm: sức mạnh cứng, sức mạnh mềm và sức mạnh thông minh. Chính quyền Clinton thì ưu tiên sử dụng sức mạnh mềm, còn Bush thì ưu tiên sử dụng sức mạnh cứng trong chính sách đối ngoại. Chính thái độ nước lớn, đôi lúc ngạo mạn và áp đặt đã làm sâu sắc thêm tâm lý chống Mỹ tại nhiều nơi trên thế giới. Điều này buộc chính quyền Obama phải có sự chuyển hướng trong cách tiếp cận và sử dụng sức mạnh để thực thi chính sách đối ngoại.

### **Chương 2:**

## **VIỆC SỬ DỤNG “SỨC MẠNH THÔNG MINH” TRONG CHÍNH SÁCH CHÂU Á THÁI BÌNH DƯƠNG CỦA CHÍNH QUYỀN OBAMA**

### **2.1. “Sức mạnh thông minh” trong chính sách của chính quyền Obama tại Châu Á Thái Bình Dương**

#### ***2.1.1. Cách tiếp cận “sức mạnh thông minh” trong chính sách đối ngoại của chính quyền Obama: thể hiện ở 6 điểm.***

*Một*, Bản thân việc đầu tư, tập trung xây dựng một chiến lược đối ngoại thống nhất với đầy đủ cơ sở lý luận (tiếp thu “sức mạnh thông minh” và các đề xuất chính sách của kênh II), cơ sở thực tiễn cùng tầm nhìn định hướng dài hạn đã là một sự lựa chọn thông minh, khôn ngoan.

*Hai*, Về mặt thể chế, sức mạnh thông minh báo hiệu mối quan hệ cân bằng hơn giữa Bộ Ngoại giao và Bộ Quốc phòng nói riêng và sự phối hợp chặt chẽ giữa Bộ Ngoại giao và các bộ ngành giữa Chính phủ và Quốc hội trong nội bộ Mỹ.

*Ba*, Sức mạnh thông minh thể hiện qua sự lựa chọn mục tiêu và ưu tiên chiến lược.

*Bốn*, Với nguồn lực hạn chế và ngân sách bị thu hẹp, Mỹ phải thông minh trong việc chọn lựa, sử dụng các công cụ triển khai trên hai phương diện: sử dụng tổng hợp các công cụ bên trong và huy động nguồn lực bên ngoài, san sẻ trách nhiệm với đồng minh và đối tác

*Năm*, Việc lựa chọn công cụ gắn liền với phương thức triển khai nhằm tạo nên sức mạnh thông minh.

*Sáu*, Sức mạnh thông minh thể hiện ở việc lựa chọn địa bàn và đối tượng ưu tiên triển khai trong chính sách đối ngoại.

### **2.1.2. Việc sử dụng sức mạnh thông minh trong chính sách Châu Á Thái Bình Dương**

Học thuyết Obama về “sức mạnh thông minh” (smart power) đã được thể hiện rõ nét trong khu vực CATBD. Mỹ chuyển hướng trọng tâm chiến lược của Mỹ sang khu vực này nhằm phục vụ mục tiêu chiến lược của Mỹ: củng cố, duy trì địa vị siêu cường, lãnh đạo toàn cầu trong thế kỷ 21 và được xây dựng trên ba trụ cột chính kinh tế, an ninh chiến lược, giá trị dân chủ nhân quyền.

**“Sức mạnh thông minh” trong chính sách CATBD thể hiện ở các phương diện sau:** (1) “thông minh” trong việc chuyển địa bàn chiến lược. (2) “thông minh” trong lựa chọn đối tác. Bên cạnh các đối tác trụ cột là đồng minh- “điểm tựa” cho sự chuyển hướng như Nhật Bản, Hàn Quốc, Úc, Phillippines, Thái Lan, Mỹ còn không ngừng hướng tới xây dựng quan hệ tích cực với các quốc gia mới nổi. (3) sử dụng “sức mạnh thông minh” trong lựa chọn các công cụ triển khai chính sách đối ngoại đó là sử dụng đồng loạt các công cụ chính trị- ngoại giao, kinh tế, quốc phòng- an ninh và phát triển. (4) “thông minh” trong lựa chọn phương thức can dự ở đa cấp độ: song phương, đa phương và “tiểu đa phương”. (5) “thông minh” trong việc lựa chọn các vấn đề can thiệp.

## **2.2. Thực tế triển khai việc sử dụng “sức mạnh thông minh” trong chính sách của chính quyền Obama tại Châu Á Thái Bình Dương:**

### **2.2.1. Quan hệ với các đồng minh, đối tác**

Với thế và lực hiện có, nhằm duy trì vị trí siêu cường trên thế giới cũng như khu vực, Mỹ đề ra chiến lược “thông minh” với nhiều tầng nấc, tận dụng các mối quan hệ với đồng minh, mở rộng quan hệ đối tác, đưa các nước tham gia vào luật chơi của Mỹ để tạo nguồn lực bổ sung cho sức mạnh của Mỹ.

#### **2.2.1.1. Với các đồng minh trong khu vực:**

Mỹ đã có những bước đi mạnh mẽ trong việc củng cố quan hệ với các đồng minh tại CATBD. Ngoại trưởng Clinton nhận định “quan hệ đồng minh hiệp ước với Nhật, Hàn, Úc, Philipin, Thái Lan là điểm tựa cho sự quay trở lại chiến lược của Mỹ ở CATBD” và nêu rõ ba nguyên tắc đó là: duy trì đồng thuận chính trị về mục đích chính của liên minh; bảo đảm các liên minh linh hoạt và có tính thích nghi nhằm ứng phó thành công với những thách thức mới và nắm bắt những cơ hội mới; bảo đảm năng lực quốc phòng và cơ sở hạ tầng thông tin của các liên minh hoạt động tốt nhằm ngăn chặn các hành động khiêu khích.

#### **2.2.2. Quan hệ với Trung Quốc:**

Chính quyền Obama sử dụng “sức mạnh thông minh” trong quan hệ với Trung Quốc theo hướng điều chỉnh vừa đấu tranh, vừa hợp tác nhằm đưa mối quan hệ vào khuôn khổ mới.

#### **2.2.3. Sử dụng “sức mạnh thông minh” trong xử lý các điểm nóng tại khu vực**

Chính quyền Obama đã sử dụng “sức mạnh thông minh” trong xử lý ba điểm nóng ở khu vực CATBD: Biển Đông và bán đảo Triều Tiên khi thể hiện không muốn có xung đột xảy ra và “thông minh” khi sử dụng ngoại giao để kiềm chế xung đột. Với chủ trương can dự trên phạm vi toàn cầu nói chung và khu vực CATBD nói riêng, Mỹ muốn đóng vai trò trung gian hoà giải tại các điểm nóng do những tranh chấp, điểm nóng ở khu vực sẽ “đem tới cơ hội cho Mỹ thể hiện vai trò kiến tạo rộng lớn của mình ở ngay trung tâm trật tự toàn

cầu”. Mỹ có thể đảm bảo được 3 mục tiêu: đảm bảo lợi ích của Mỹ, bảo vệ lợi ích đồng minh và tạo được sức ép trong quan hệ với Trung Quốc.

#### **2.2.4. Trong vấn đề thúc đẩy hợp tác kinh tế, an ninh- phát triển và dân chủ- dân quyền.**

Trong vấn đề thúc đẩy hợp tác kinh tế, phát triển, chính quyền Obama sử dụng sức mạnh mềm với ba nguyên nhân chính: *thứ nhất*, thu được lợi ích to lớn trong việc tăng cường hợp tác kinh tế với khu vực; *thứ hai*, hỗ trợ triển khai chiến lược quân sự; *thứ ba*: làm cho chiến lược CA- TBD được dễ dàng được chấp nhận với các trong khu vực, nhất là Trung Quốc khi mà việc tập trung hiện diện quân sự gây nghi kỵ cho Trung Quốc cũng như khiến cho nhiều nước phải cân trọng hơn vì phải cân nhắc thái độ và phản ứng của Trung Quốc.

#### **Về thúc đẩy giá trị dân chủ Mỹ**

Văn hoá Mỹ là một thành tố quan trọng hình thành nên “hệ giá trị Mỹ” và là công cụ sức mạnh mềm mà chính quyền Obama lựa chọn sử dụng nhằm gia tăng ảnh hưởng và lấy lại hình ảnh của nước Mỹ. *Ba phương thức chính được chính quyền Obama sử dụng để truyền bá bao gồm*: qua các hình thức văn hoá giáo dục và nghệ thuật, qua truyền thông, qua các cơ quan nghiên cứu và đại diện của Mỹ ở nước ngoài.

**Về nhân quyền**, Chính quyền Obama đã ưu tiên thúc đẩy yếu tố giá trị liên quan đến dân chủ, nhân quyền trong chính sách đối với khu vực. Tổng thống Obama đã “thông minh”, thực dụng hơn khi theo đuổi nhân quyền một cách ôn hoà hơn với cách tiếp cận mềm dẻo, linh hoạt về vấn đề này.

#### **2.2.5. Tăng cường tham gia vào các thể chế khu vực**

Việc sử dụng “sức mạnh thông minh” của chính quyền Obama còn thể hiện rất rõ trong kết hợp các biện pháp song phương và đa phương, củng cố các liên minh, xây dựng các quan hệ đối tác mới, đồng thời tăng cường tham gia vào các thể chế khu vực.

### **TIỂU KẾT**

Chính sách CATBD của chính quyền Obama đã thể hiện cách tiếp cận “thông minh”, đưa lý luận về “sức mạnh thông minh” vào thực tiễn triển

khai. “Sức mạnh thông minh” dựa trên nền tảng kết hợp các nguồn lực bên trong và bên ngoài của Mỹ, trong trường hợp tại khu vực CATBD nguồn lực bên ngoài chính là các tầng nấc quan hệ với các đồng minh và đối tác. Việc lựa chọn cách tiếp cận “sức mạnh thông minh” nhằm thực hiện các mục tiêu đối ngoại trong bối cảnh thế và lực bất lợi là một sự lựa chọn khôn ngoan của chính quyền Obama.

### **Chương 3:**

## **ĐÁNH GIÁ VIỆC SỬ DỤNG SỨC MẠNH CỦA MỸ DƯỚI THỜI OBAMA TẠI KHU VỰC CHÂU Á THÁI BÌNH DƯƠNG VÀ ĐỀ XUẤT KIẾN NGHỊ.**

### **3.1. Đánh giá việc sử dụng sức mạnh trong chính sách đối ngoại của Mỹ.**

#### **3.1.1. Thành tựu:**

*Việc đầu tư và tập trung xây dựng một học thuyết đối ngoại mang màu sắc riêng của chính quyền Obama- với cơ sở lý luận và thực tiễn cùng tầm nhìn định hướng dài hạn đã là một sự lựa chọn thông minh; Về mặt thể chế, việc sử dụng sức mạnh thông minh đã tạo được mối quan hệ cân bằng trong nội bộ Mỹ; Việc vận dụng sức mạnh một cách hợp lý thể hiện qua sự lựa chọn mục tiêu chiến lược; Việc sử dụng tư duy sức mạnh thông minh đã giúp Mỹ xác định đúng ưu tiên đối ngoại, phân bổ nguồn lực một cách hợp lý nhất, phục vụ lợi ích của Mỹ hiệu quả nhất trong bối cảnh mới; Trong bối cảnh nguồn lực hạn chế và ngân sách bị thu hẹp, sức mạnh thông minh đã phát huy vai trò trên hai phương diện trong việc lựa chọn và sử dụng các công cụ sức mạnh triển khai; Với việc áp dụng nhân tố sức mạnh thông minh Mỹ tiếp tục khẳng định được vị trí siêu cường số một ở khu vực CATBD mà không cần quá tốn kém về nguồn lực; Việc khai thác “sức mạnh mềm” bên cạnh “sức mạnh cứng” giúp Mỹ củng cố và tăng cường thực lực, đồng thời tập hợp được lực lượng kiềm chế tham vọng của Trung Quốc; Việc Mỹ tăng cường sử dụng các biện pháp ngoại giao đa phương trong nhân tố “sức mạnh thông minh” giúp Mỹ bước đầu tạo được luật chơi trong khu vực CATBD, trong đó Mỹ vẫn đóng vai trò chi phối. Các cơ chế an ninh và các cơ chế kinh tế khu vực đang ngày càng mang dấu ấn của Mỹ nhiều hơn.*

### **3.1.2. Hạn chế:**

Việc triển khai chính sách tại khu vực Châu Á Thái Bình Dương bị coi là bước “thụt lùi” so với những hứa hẹn của các nhà lãnh đạo Mỹ; Thực tế triển khai chính sách của Mỹ vẫn luôn “*quá chú trọng về an ninh*”, không nhấn mạnh đủ vai trò của các liên kết kinh tế; Việc sử dụng sức mạnh thông minh *chưa đủ để xử lý quan hệ* với Trung Quốc; Dù muốn Mỹ vẫn còn phải *mất thời gian* mới đưa quan hệ Mỹ- Trung vào khuôn khổ mà Mỹ có thể kiểm soát; Vì áp dụng “sức mạnh thông minh” nên trong nhiều trường hợp, Mỹ *gây lo ngại* cho chính các đồng minh, đối tác về khả năng thoả hiệp Mỹ- Trung, hi sinh lợi ích của các nước khác. Chính sách của Mỹ sẽ không còn yếu tố bất ngờ và cũng mất đi tính răn đe.

### **3.1.3. So sánh việc sử dụng sức mạnh trong chính sách CATBD của Obama so với thời kỳ trước.**

**a. Các điểm giống nhau:** về mục tiêu; về nội dung sử dụng sức mạnh

**b. Các điểm khác biệt:** Phạm vi tư duy nhấn mạnh hợp tác, thừa nhận lợi ích chung, nhấn mạnh phát triển cơ chế đa phương; lấy cơ chế làm công cụ, lấy hợp tác làm biện pháp để đạt được mục tiêu khẳng định vai trò của mình tại khu vực và trên thế giới. Cách sử dụng sức mạnh thông minh, kết hợp hài hòa giữa chủ nghĩa thực dụng và học thuyết cứng rắn, theo phương châm linh hoạt, thực tế, có nguyên tắc, với ngoại giao là công cụ chủ chốt và sức mạnh quân sự là nền tảng mang tính răn đe và là giải pháp cuối cùng.

## **3.2. Triển vọng việc sử dụng sức mạnh trong chính sách đối ngoại của Mỹ đến năm 2025**

### **3.2.1. Xu hướng phát triển sức mạnh tổng hợp của Mỹ đến năm 2021**

**3.2.1.1. Sức mạnh nội tại:** Xét trên tổng thể, Mỹ sẽ tiếp tục là cường quốc số một thế giới về kinh tế, quân sự, khoa học công nghệ và sức mạnh mềm đến năm 2021. **Vị thế và ảnh hưởng:** Từ nay đến 2021, Mỹ được dự báo sẽ vẫn duy trì được vị thế cường quốc số một thế giới, và tiếp tục nắm giữ vai trò chủ chốt, khả năng triển khai lực lượng và can dự sâu sắc vào các vấn đề khu vực và quốc tế.

### 3.2.1.2. Dự báo chiều hướng chính sách đối ngoại của Mỹ dưới thời Trump

Dưới khẩu hiệu “đưa nước Mỹ mạnh trở lại”, chính quyền Trump sau một năm cầm quyền đã theo triển khai một chiến lược đối ngoại tương đối toàn diện. Mỹ vẫn đang trong quá trình điều chỉnh cách thức lãnh đạo thế giới. Chính quyền Trump quay về cách tiếp cận “hiện thực” (tăng cường sức mạnh quân sự và kinh tế, đề cao đơn/ song phương, tăng bảo hộ thương mại, giảm yếu tố giá trị) trong chính sách đối ngoại. Chính sách đối ngoại sẽ vẫn theo hướng giảm ưu tiên thực hiện mục tiêu lãnh đạo thế giới, giảm cam kết, đơn phương áp đặt chính sách bảo hộ thương mại và hạn chế nhập cư, theo đuổi một mô hình chính sách trong đó được mất ngang nhau. Vì vậy, việc sử dụng sức mạnh trong chính sách đối ngoại nói chung và chính sách CATBD nói riêng dưới thời Trump sẽ có đặc điểm như sau: (1) hoàn thành mục tiêu vì lợi ích nước Mỹ là hàng đầu mục tiêu chính sẽ là kiềm chế Trung Quốc và phần nào Nga; (2) chính quyền Trump coi trọng yếu tố thời gian và hiệu quả: nhanh, dứt khoát. Chính vì vậy, lựa chọn sử dụng sức mạnh cứng (với các đặc điểm: nhanh, hiệu quả, bất ngờ) sẽ là ưu tiên hàng đầu của chính quyền ông Trump; (3) chính quyền Trump sẽ thực hiện nghị trình chính sách đối ngoại với các biện pháp đơn phương và song phương; gia tăng áp lực đối với đồng minh và yêu cầu đóng góp nhiều hơn vào phí tổn bảo vệ quốc tế cũng như chia sẻ trách nhiệm ngang bằng (Win- win), ưu tiên lợi ích “Nước Mỹ là số một, “great again”. Đối với đa phương, sẽ tham gia để khẳng định vị trí số một của mình; (4) đối với các thoả thuận thương mại tự do như TPP, TTIP, NAFTA, chính quyền Trump sẽ có cách tiếp cận gai góc và thực dụng hơn so với chính quyền Obama; sẽ không đối đầu với Quốc hội vốn có nhiều tiếng nói ủng hộ thương mại tự do, thay vào đó là xem xét lại các thoả thuận này, nghiên cứu và đưa thêm các điều khoản có lợi hơn cho Mỹ; (5) trong ba mục tiêu chính của chính sách đối ngoại, chính quyền Trump sẽ ưu tiên mục tiêu số một và hai: an ninh, phát triển và vị trí siêu cường thay vì mục tiêu số ba: giá trị dân chủ, nhân quyền. Điều này có nghĩa là sức mạnh cứng sẽ được sử dụng nhiều hơn là khả năng đạt được hiệu quả rõ ràng, có thể định lượng được về thời gian và lợi ích.; (6) do tư tưởng “nước Mỹ là trên hết” thể hiện chủ nghĩa

biệt lệ ảnh hưởng sâu sắc nên trong quan hệ với Trung Quốc, chính quyền Trump có thể sẽ cứng rắn hơn, nhất là trong vấn đề thương mại: tăng thuế đối với các hàng hoá Trung Quốc hoặc tiếp tục các biện pháp nhằm đảm bảo tự do và an toàn đi lại, sẵn sàng hành động mạnh tay nếu như Trung Quốc có ý đồ động chạm đến các lợi ích cốt lõi của Mỹ; (7) đối với khu vực CATBD, chính quyền Trump sẽ duy trì chính sách “xoay trục” như hiện nay và kiên quyết bảo vệ tự do, an toàn hàng không, hàng hải. Trump sẽ không chấp nhận tuyên bố nào về các yêu sách lãnh thổ trong các tranh chấp khu vực. Hướng tiếp cận của chính quyền Trump là khuyến khích tất cả các bên tìm kiếm thoả thuận phù hợp thay vì đối đầu và sẽ hỗ trợ các đồng minh dựa trên những nỗ lực thực tế của họ. Tuy nhiên, một điểm rõ ràng là Trump sẵn sàng hành động mạnh tay, thậm chí sử dụng vũ lực nếu như Trung Quốc có các hành vi gây hấn hoặc trực tiếp tấn công nhằm vào các tàu thuyền máy bay của Mỹ; (8) Mỹ sẽ tiếp tục tăng cường sức mạnh bên ngoài. Như vậy, có thể thấy rằng Trump đã và đang đẩy chiến lược của Mỹ mạnh hơn theo hướng coi Trung Quốc là đối thủ và theo đó áp dụng cách tiếp cận cứng rắn hơn, tập trung vào lĩnh vực an ninh- quốc phòng và kinh tế- thương mại. Do đó, việc sử dụng sức mạnh trong chính sách đối ngoại của Trump sẽ nhấn mạnh đến các lợi ích của Mỹ và hiệu quả của việc đạt được mục tiêu nhanh nhất.

### **3.3. Dự báo tác động đến Việt Nam.**

#### **3.3.1. Thuận lợi:**

- Việt Nam có thể tiếp tục củng cố và nâng cao vị thế ở khu vực và trên thế giới; Chính quyền Trump có xu hướng ưu tiên giải quyết các vấn đề nội bộ của Mỹ và ưu tiên các mục tiêu chính trị thay vì quan tâm vào phổ biến giá trị; Xu hướng bảo hộ và chống toàn cầu hoá tuy tăng lên nhưng không mạnh mẽ; trong cuộc đấu tranh bảo vệ chủ quyền biển đảo, Việt Nam cũng có một số thuận lợi mới do Mỹ tập trung cạnh tranh chiến lược với Trung Quốc, giữ mức độ can dự về ngoại giao và pháp lý vào Biển Đông;

#### **3.3.2. Thách thức:**

- Về kinh tế, Việt Nam sẽ gặp phải một số thách thức như: nguy cơ lệ thuộc lớn hơn vào nền kinh tế Trung Quốc; sức ép bảo hộ từ các nền kinh tế



phát triển, nhất là khi Mỹ và Châu Âu chiếm tới 40% thị phần xuất khẩu của Việt Nam trong khi sức ép cạnh tranh mạnh từ Trung Quốc và các nước ASEAN; xu hướng di chuyển sản xuất về các nền kinh tế phát triển có thể làm giảm sức hấp dẫn về đầu tư nước ngoài của Việt Nam; các thể chế đa phương tham gia điều tiết quá trình toàn cầu hoá về thương mại, đầu tư như WTO, APEC ngày càng giảm vai trò.

- *Về an ninh*, nhiệm vụ bảo vệ chủ quyền biển đảo cũng gặp một số thách thức mới. Chính quyền Trump có xu hướng giảm quan tâm và can dự vào vấn đề Biển Đông, Trung Quốc có thể tận dụng cơ hội để lấn tới. Điều này sẽ gây khó khăn cho các nước ASEAN duy trì lập trường thống nhất trong vấn đề Biển Đông và Việt Nam sẽ khó khăn hơn trong bảo vệ chủ quyền lãnh thổ.

- *Công tác đối ngoại đa phương sẽ gặp thách thức lớn hơn* do: vai trò của các thể chế đa phương có xu hướng giảm đi sau khi Trump lên cầm quyền; Trung quốc đang đẩy mạnh cơ chế đa phương theo hướng có lợi cho Trung Quốc; ASEAN tiếp tục bị chia rẽ và khó đạt đồng thuận trong một số lĩnh vực liên quan đến lợi ích cơ bản của Việt Nam, nhất là vấn đề Biển Đông.

#### **3.4. Khuyến nghị chính sách trong quan hệ Mỹ- Việt Nam:**

(1) *Về nhận thức*, Việt Nam cần đặt sự điều chỉnh chiến lược của các nước lớn, nhất là Mỹ và của các nước vừa và nhỏ trong bối cảnh thay đổi về cục diện thế giới và chịu ảnh hưởng của xu hướng vận động quốc tế; (2) coi sự điều chỉnh chiến lược của các nước lớn có tính chu kỳ và các nước vừa và nhỏ luôn bị động trước những sự điều chỉnh đó; (3) cần sự đồng thuận và nhất trí cao trong nội bộ về phương hướng trong quan hệ hai nước, với tư duy linh hoạt về “đối tác, đối tượng; (4) từng bước tinh chỉnh chính sách trong quan hệ song phương theo hướng đồng bộ hoá về quy mô và nhịp độ trên tất cả các lĩnh vực; (5) cần chủ động thúc đẩy hợp tác với Mỹ tại các thể chế khu vực; (6) cần tiếp tục không ngừng đấu tranh chống lại âm mưu diễn tiến hoà bình, gây sức ép về dân chủ nhân quyền nhưng cũng tránh cứng nhắc trong vấn đề “đối tượng”, “đối tác”;

### **TIỂU KẾT:**

Việc sử dụng “sức mạnh thông minh” trong chính sách CATBD của chính quyền Obama đã đạt được những thành tựu và hạn chế nhất định (8 thành tựu, 5 hạn chế). Qua đó, cho thấy thế và lực của Mỹ trong tương quan so sánh lực lượng với các nước khác, nhất là các nước đối thủ cạnh tranh chiến lược như Trung Quốc, là nhân tố quyết định cách thức và phương châm hành xử của Mỹ trên thế giới nói chung và khu vực CATBD nói riêng.

### **KẾT LUẬN**

Qua nghiên cứu về việc sử dụng sức mạnh thông minh trong chính sách đối ngoại của chính quyền Obama tại Châu Á Thái Bình Dương có thể thấy rằng chính sách đối ngoại khó hiệu quả nếu chỉ sử dụng riêng rẽ hoặc thiên về sức mạnh cứng hoặc sức mạnh mềm. Trong bối cảnh thế và lực bất lợi sau thời Bush (con), chính quyền Obama phải có sự chuyển hướng trong cách tiếp cận và sử dụng sức mạnh để thực thi chính sách đối ngoại khi nhận ra việc chuyển hoá sức mạnh thành ảnh hưởng mới thật sự quan trọng. Chính sách CATBD của chính quyền Obama đã thể hiện cách tiếp cận “thông minh”, đưa lý luận về “sức mạnh thông minh” vào thực tiễn triển khai. . “Sức mạnh thông minh” trong chính sách CATBD của chính quyền Obama thể hiện ở các phương diện sau: trong việc chuyển địa bàn chiến lược, trong lựa chọn đối tác, trong lựa chọn các công cụ triển khai chính sách đối ngoại đó là sử dụng đồng loạt các công cụ chính trị- ngoại giao, kinh tế, quốc phòng- an ninh và phát triển; trong lựa chọn phương thức can dự ở đa cấp độ: song phương, đa phương và “tiểu đa phương”; trong việc lựa chọn các vấn đề can thiệp. Sau Obama, tổng thống Donald Trump lên nắm chính quyền theo đuổi một mô hình chính sách đối ngoại cực đoan hơn. Mặc dù về tổng thể, chính sách đối ngoại của Trump giống của Obama vẫn nhằm phục vụ lợi ích của Mỹ và gắn với tương lai Mỹ nhưng có thể thấy rằng, chính quyền Trump ưu tiên các lợi ích của Mỹ ở vị trí hàng đầu (chính sách “nước Mỹ là trước hết”), lợi dụng chính trị quốc tế nhằm thực hiện “các thỏa thuận tốt hơn”, ưu tiên sử dụng sức mạnh cứng để đạt được mục tiêu nhanh nhất, tốn ít thời gian và chi phí nhất.

## DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU CỦA TÁC GIẢ

1. Đỗ Huyền Trang (2018), *Sức mạnh của Truyền thông đối với Chính sách đối ngoại của Tổng thống Obama (Trường hợp Mỹ can thiệp nhân đạo tại Lybia năm 2011)*, Tạp chí Nghiên cứu Quốc tế số 3/ 2018.
2. Đỗ Huyền Trang (2018), *Triển vọng Quan hệ Mỹ- EU đến năm 2025, xét về mặt chính sách đối ngoại*, Tạp chí Châu Mỹ tháng 5/2018.
3. Đỗ Huyền Trang (2018), *Power of media, public diplomacy and foreign policy in the 21<sup>st</sup> century*, MEDCOM2018, Hội thảo Truyền thông thế giới lần thứ 4 tại Thái Lan.
4. Đỗ Huyền Trang (2018), *Soft power, Media Audiences and Public Diplomacy in the 21<sup>st</sup> century*, The Global media conference in Srilanka.
5. Đỗ Huyền Trang (2017), *Truyền thông, can thiệp nhân đạo và chính sách đối ngoại của Mỹ*, Hội thảo Khoa Truyền thông và Văn hoá Đối ngoại (tháng 12/2017).
6. Đỗ Huyền Trang (2016), *Human Intervention, State Power and Foreign Policy*, hội thảo APISA9 của Hiệp hội Nghiên cứu Chính trị và Quốc tế học Châu Á, Đài Loan tháng 5/2016.
7. Đỗ Huyền Trang (2014), *Truyền thông Mỹ*, Đề tài nghiên cứu cấp Bộ và sách giáo trình Đại cương Truyền thông Quốc tế do TS. Nguyễn Thị Hồng Nam chủ biên.
8. Đỗ Huyền Trang (2013), *Soft power and Foreign Policy in the 21<sup>st</sup> Century*, Hội thảo Communicating Soft Power, London (tháng 9/2013).